

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5-2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly
hôn giữa chị Bùi Thị M và anh Nguyễn
Văn T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Lý;

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Hiền
2. Bà Nguyễn Thị Nhiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng H - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị M, sinh năm 1985;

Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình;

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại: Đội x, phân trại số x, trại giam T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

(Chị M, anh T vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 3 năm 2021, trong quá trình tố tụng và tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 04 tháng 5 năm 2021, nguyên đơn - chị Bùi Thị M trình bày:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 26 tháng 02 năm 2007. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T nghiện ma túy, chị và gia đình đã nhiều lần phân tích, động viên anh T cai nghiện nhưng chỉ được một thời gian anh T lại tái nghiện. Tháng 8 năm 2018, anh T bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 01 năm tù. Tháng 8 năm 2019, anh T chấp hành án xong trở về với gia đình, chị đã tạo mọi điều kiện để anh T tái hòa nhập cộng đồng. Anh T cai nghiện từ tháng 9 năm 2019 đến tháng 4 năm 2020 thì tiếp tục tái nghiện, sau đó bị bắt và bị Tòa án xử phạt 18 tháng tù, hiện anh T đang chấp hành án tại phân trại số x, trại giam T, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

1.2. Về quan hệ con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2007 và Nguyễn Thị Hà A, sinh ngày 09 tháng 6 năm 2016. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm công nhân tại công ty TNHH SunViet thu nhập mỗi tháng từ 8 triệu đồng đến 9 triệu đồng.

1.3. Về quan hệ tài sản: Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai đề ngày 29 tháng 4 năm 2021 và tại Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn đúng như chị M đã trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh nghiện ma túy, đã 02 lần bị Tòa án xử phạt tù về tội liên quan đến ma túy là vào năm 2018 và năm 2020. Trong thời gian anh đi chấp hành án chị M chỉ thăm anh một lần còn sau đó không quan tâm gì. Nay chị M xin ly hôn anh không đồng ý vì anh mong muốn chị M đợi anh chấp hành án xong trở về địa phương anh sẽ đồng ý ly hôn.

2.2. Quan hệ con chung: Anh và chị Bùi Thị M có 02 con chung đúng như chị M đã trình bày. Ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Quan hệ tài sản:

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ruộng cấy: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng đề ngày 28 tháng 4 năm 2021, ông Bùi Quang H là bố đẻ của chị Bùi Thị M trình bày:

Về thời gian và quá trình kết hôn giữa chị M và anh T đúng như chị M đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T mắc nghiện ma túy và đã hai lần bị tòa án xử phạt tù và hiện đang chấp hành án tại trại giam T, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị M có đơn xin ly hôn anh T, ông đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo nguyện vọng của chị M vì chị M đã cho anh T rất nhiều cơ hội, gia đình hai bên cũng đã kết hợp khuyên bảo nhưng anh T vẫn không biến chuyển, cuộc sống hôn nhân giữa anh chị không có tương lai. Về con chung: Ông đề nghị Tòa án giao cho chị M nuôi cả 02 con chung. Về tài sản chung của vợ chồng: Ông không biết cụ thể. Về nợ chung: không có.

4. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 28 tháng 4 năm 2021, ông Nguyễn Văn K là bố đẻ của anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn giữa chị M và anh T đúng như anh chị đã trình bày. Nay chị M xin ly hôn anh T, ông không mong muốn anh chị ly hôn. Tuy nhiên chị M kiên quyết xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh chị có 02 con chung như chị M trình bày. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị M và anh T ly hôn, ông đề nghị Tòa án giao cho gia đình ông nuôi dưỡng cháu T, sau khi anh T chấp hành án xong, anh T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Hà A cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản: Ông không biết cụ thể.

5. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình, đại diện UBND xã và cơ sở thôn cung cấp như sau: Về quá trình kết hôn giữa chị M và anh T đúng như chị M trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T nghiện ma túy, đã 02 lần bị Tòa án xét xử hiện anh T đang chấp hành án tại trại giam và chị M đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình từ tháng 6/2020 đến nay. Nay chị M xin ly hôn anh T, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh T và chị M ly hôn, đề nghị Tòa án giao cả 02 con cho chị M nuôi dưỡng vì anh T đang chấp hành án tại trại giam không thể trực tiếp chăm sóc con chung, chị M làm công nhân, có thu nhập, có đủ điều kiện chăm sóc các con. Về tài sản: Địa phương không nắm được cụ thể. Về nợ: Chị M và anh T không vay nợ chung tổ chức xã hội nào tại địa phương.

6. Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 28 tháng 4 năm 2021, cháu Nguyễn Văn T có nguyện vọng được ở cùng với mẹ đẻ là chị Bùi Thị M.

*** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện V phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016:

Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Quan hệ con chung: Xử giao cho chị Bùi Thị M trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Văn T, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2007 và Nguyễn Thị Hà A, sinh ngày 09 tháng 6 năm 2016. Chấp nhận việc chị Bùi Thị M không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Quan hệ tài sản: Chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Bùi Thị M có đơn khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình, theo đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

[1.2] Chị Bùi Thị M và anh Nguyễn Văn T đều có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] **Quan hệ hôn nhân:** Chị Bùi Thị M và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 26 tháng 02 năm 2007 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do anh T mắc nghiện ma túy, mặc dù chị M đã rộng lòng tha thứ, cho anh T cơ hội, động viên để anh yên tâm cai

nghiện nhưng anh vẫn tiếp tục tái nghiện và không có biện pháp gì để thay đổi bản thân. Mặt khác anh T đã hai lần bị Tòa án kết án về tội liên quan đến ma túy và hiện nay đang chấp hành án tại trại giam T, tỉnh Thanh Hóa. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn và từ tháng 6 năm 2020 chị đã đưa các con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Anh T cũng thừa nhận từ khi anh đi chấp hành án chị M chỉ thăm anh một lần duy nhất và không quan tâm gì đến anh. Tuy nhiên, anh chỉ đồng ý ly hôn với chị M khi anh chấp hành án xong trở về địa phương.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị M và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị M được ly hôn anh T.

[2.2] Quan hệ con chung: Xét điều kiện của chị M, anh T thì thấy: Anh T hiện đang chấp hành án tại trại giam nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng con chung, từ khi anh T đi chấp hành án chị M là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các con, chị M có thu nhập ổn định và đủ điều kiện để nuôi dưỡng cả 02 con. Mặt khác, nguyện vọng của cháu T là mong muốn ở cùng mẹ và được mẹ nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình cần giao cho chị Bùi Thị M trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Văn T, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2007 và Nguyễn Thị Hà A, sinh ngày 09 tháng 6 năm 2016. Chị Bùi Thị M không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị M, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[2.3] Quan hệ tài sản: Chị Bùi Thị M và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị Bùi Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 ; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Quan hệ con chung: Xử giao cho chị Bùi Thị M trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Văn T, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2007 và Nguyễn Thị Hà A, sinh ngày 09 tháng 6 năm 2016. Chị Bùi Thị M không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị M, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị Bùi Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị M đã nộp tại biên lai số 0001079 ngày 05 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị M và anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình (GCNKH số 12 ngày 26/02/2007);
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)